|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN** | **MÔN: TIẾNG ANH 9** |

**TUẦN 4**

|  |
| --- |
| **UNIT 2 CLOTHING**  **Getting started – Listen and read** |
| 1. **New words:** 2. Poet ( n)  * Poem (n) * Poetry (n) * Poetic (adj) * Poetical (adj) * Poetically (adv)  1. Music (n)  * Musician (n) * Musical (adj)  1. Tradition (n)  * Traditional (adj) * Traditionally (adv) * Frequency (n) * Frequent (adj) * Frequently (adv)  1. Design (v)  * Design (n) * Designer (n) * Differ (v) * Difference (n) * Different from (adj)  1. Occasion (n)  * on occasion of something (n) * Occasional (adj) * Occasionally (adv)  1. (in) Convenience (n)  * Convenience store (n) * (in)Convenient (adj) * (in)conveniently (adv) * Inconvenience (v)  1. Fashion (n)  * Fashion (v) * Fashionable = be in fashion (adj) * Unfashionable = be out of fashion (adj) * (un)Fashionably (adv) * old-fashioned (adj)  1. Inspire (v)  * -take / draw/ get inspiration from (v) * Inspiration (n) * Inspirational (adj) * Inspired with (adj) * Inspiring (adj)  1. Symbolize (v)  * Symbol (n) * Symbolic of (adj) * symbolically (adv)  1. **Grammar: Present perfect** 2. **Form**   **(+) S+ HAVE/ HAS + V (ed/3)**  **(-) S + HAVEN’T/ HASN’T + V (3/ED)**  **(?) HAVE/ HAS + S + V (3/ED)?**   1. **Uses**   **-** An action just happened (Một hành động vừa mới xảy ra.)  Ex:I have just seen my old friend on the street.  - An action occurred many times in the past and this action can be repeated now and in the future.(Một hành động xảy ra nhiều lần trong quá khứ và hành động này có thể còn được lập lại trong hiện tại và tương lai.)  Ex: Susan really loves that film.She has seen it eight times.  - An action that began in the past and continued to the present and the future (Một hành động bắt đầu trong quá khứ, kéo dài đến hiện tại và có khả năng tiếp tục ở tương lai.)  Ex: Mary has lived in the town for 10 years**.**   1. **Adverbs of time**   **Just/ recently/ already/ lately/ before/ never / ever / for / since / yet/ so far/ up to now/ until now/ up to the present/ this is the first / second/….**  FOR: IN PERIOD OF TIME : 3 YEARS, 3 WEEKS….  SINCE: IN A POINT OF TIME: LAST MONDAY, **2020,….**   * *Học sinh ghi từ vựng và tìm nghĩa của từ mới.* * *Học sinh ghi nội dung ngữ pháp và học thuộc cách dùng thì hiện tại hoàn thành.* * *Học sinh đọc nội dung bài Listen and read* |
| * **Học sinh đọc nội dung bài Listen and read và trả lời câu hỏi phần a và b**   **a) Complete the sentences. Use the information from the passage.**  1. For a long time the ao dai has been the subject of poems, novels and songs.  2. The ao dai is described as a long silk tunic with slits up the sides worn over loose pants.  3. The majority of Vietnamese women prefer to wear modern clothing at work.  4. Some designers have modernized the ao dai by printing lines of poetry on it.  5. Another alternative is to add symbols such as suns, stars, crosses and stripes.  **b) Answer the questions.**  1. Who used to wear the ao dai by tradition?  => By tradition, Vietnamese men and women used to wear the ao dai.  2. Why do the majority of Vietnamese women prefer to wear modem clothing at work these days?  => The majority of Vietnamese women prefer to wear modern clothing at work these days because it is more convenient.  3. What have fashion designers done to modernize the ao dai?  => Fashion designers have changed the designs and patterns of the traditional ao dai by printed lines of poetry or adding the designs and symbols of ethnic minorities to them |